

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình
(N-T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXX-ST ngày 03/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thành Thị N** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T** - Sinh năm 1982.

ĐKKH: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Công ty cổ phần T, số A, đoạn B, đường Q, khu Đ, thành phố Đ, Đà Loan.

(Có mặt chị N; anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, chị Thành Thị N trình bày:* Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 30/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi xuất khẩu lao

động tại Đài Loan có quan hệ và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần anh T có lời lẽ xúc phạm chị. Mâu thuẫn vợ chồng gây ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý cũng như việc học tập của các con, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Minh T1 sinh ngày 15/11/2004 và Phạm Huy H sinh ngày 23/12/2007. Hiện nay hai con đang chung sống với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/2con/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị đề nghị để vợ chồng thỏa thuận tự chia, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 30/7/2017 gửi từ Đài Loan về, bị đơn, anh Phạm Văn T trình bày:*

Anh và chị Thành Thị N kết hôn ngày 30/01/2003, do hai bên tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công ty ít việc và chị N nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị N có 02 con chung là Phạm Minh T1 và Phạm Huy H. Trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài hai con ở với mẹ. Ly hôn, chị N đề nghị được nuôi hai con, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/2con/tháng, anh đồng ý.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Do anh đang lao động ở Đài Loan không thể về nước tham gia tố tụng giải quyết ly hôn với chị N, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thành Thị N và anh Phạm Văn T kết hôn hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 30/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong thời gian anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N nghi ngờ anh T có quan hệ và chung sống với người phụ nữ

khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng xúc phạm lẫn nhau. Nay chị N và anh T đều xác định vợ chồng không thể hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị N xin ly hôn, anh T đồng ý, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[2] *Về quan hệ con chung*: Chị Thành Thị N và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Minh T1 sinh ngày 15/11/2004 và Phạm Huy H sinh ngày 23/12/2007. Hiện tại hai con do chị N nuôi dưỡng. Ly hôn, chị N đề nghị nuôi hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/2con/tháng, anh T đồng ý và các cháu cũng có đơn xin ở với mẹ. Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[3] *Về quan hệ tài sản*: Chị N và anh T không yêu cầu, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thành Thị N được ly hôn anh Phạm Văn T.

2- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Phạm Minh T1, sinh ngày 15/11/2004 và Phạm Huy H, sinh ngày 23/12/2007 cho chị Thành Thị N nuôi dưỡng. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/2con/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Thành Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008667 ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Thành Thị N, vắng mặt anh Phạm Văn T. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo